

BÁO CÁO

Tổng kết 05 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Đề án giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI đã xác định công tác giảm nghèo là nhiệm vụ quan trọng nhằm thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội của Đảng và Nhà nước giai đoạn 2016 – 2020. Nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VI, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/8/2016 về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 để lãnh đạo chỉ đạo về công tác giảm nghèo trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó, ngày 04/8/2016 Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND về phê duyệt Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020.

Qua 5 năm triển khai thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND về Đề án giảm nghèo bền vững tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020 (Nghị quyết 47/2016/NQ-HĐND), cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 47/2016/NQ-HĐND

1. Kiện toàn bộ máy chỉ đạo thực hiện:

Từ năm 2016 đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã 04 lần ban hành quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020¹. Theo đó, Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016-2020 hiện nay Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng Ban chỉ đạo, 01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh – Phó Trưởng Ban Thường trực phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, 01 Phó Chủ tịch UBND tỉnh – Phó Trưởng Ban Thường trực phụ trách Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững; lãnh đạo các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội là Ủy viên thường trực; lãnh đạo các sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị xã hội là Ủy viên của Ban Chỉ đạo.

2. Văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện:

¹ Quyết định số 2015/QĐ-UBND ngày 26/7/2016 của UBND tỉnh; Quyết định số 1843/QĐ-UBND ngày 04/7/2017; Quyết định 962/QĐ-UBND ngày 17/4/2018; Quyết định 1397/QĐ-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh

Trên cơ sở các văn bản ban hành của Trung ương, của Tỉnh ủy và HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các Kế hoạch, Quyết định và văn bản để thực hiện các chính sách giảm nghèo tại địa phương. Trong giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững (có phụ lục kèm theo).

3. Các chính sách mở rộng của địa phương:

Để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững 2016-2020, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã ban hành các chính sách mở rộng thêm như:

- Căn cứ Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. Ngày 04/8/2016, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2016 – 2020. Theo đó, chuẩn nghèo theo tiêu chí thu nhập của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cao hơn 1,7 lần chuẩn nghèo theo tiêu chí thu nhập của Chính phủ quy định cho giai đoạn 2016 – 2020 và chuẩn cận nghèo của tỉnh cao hơn 1,5 lần chuẩn cận nghèo của Chính phủ.

- Hỗ trợ 100% mệnh giá mua thẻ BHYT cho người thuộc hộ cận nghèo theo chuẩn quốc gia, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn của tỉnh, hộ thoát nghèo trong vòng 05 năm.

- Hỗ trợ 50% học phí cho học sinh con hộ cận nghèo theo chuẩn tỉnh; 100% học phí và chi phí học tập cho con hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh và hộ thoát nghèo trong vòng 02 năm.

- Hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo chuẩn tỉnh và hộ nghèo thoát nghèo trong vòng 03 năm được vay vốn tín dụng ưu đãi.

- Hỗ trợ tiền điện cho hộ cận nghèo theo chuẩn quốc gia, hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh.

- Hỗ trợ về nhà ở cho hộ cận nghèo chuẩn quốc gia, hộ nghèo chuẩn tỉnh theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 20/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ. (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/QĐ-TTg giai đoạn 2), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, theo đó đối tượng bổ sung là hộ nghèo theo chuẩn của tỉnh dưới 40 tuổi, ngân sách tỉnh hỗ trợ 45 triệu đồng, gia đình đóng góp tối thiểu 15 triệu đồng.

Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo dân tộc theo Đề án phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2020, đối tượng được hỗ trợ 60 triệu đồng (Nhà nước hỗ trợ 40 triệu đồng, từ nguồn vận động hỗ trợ thêm 20 triệu đồng/hộ).

- Nâng mức chuẩn trợ cấp, trợ giúp xã hội hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội là 320.000 đồng; nâng hệ số trợ cấp xã hội đối với đối tượng bảo trợ thuộc diện hộ nghèo; mở rộng đối tượng hưởng trợ cấp xã hội đối với người mắc bệnh nan y thuộc hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội thuộc hộ cận nghèo chuẩn quốc gia, hộ nghèo theo chuẩn tỉnh.

II. THỰC TRẠNG HỘ NGHÈO ĐẦU GIAI ĐOẠN 2016-2020

Theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều, đầu năm 2016 tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn tỉnh là: **21.407** hộ chiếm **8,20%** so với tổng số hộ dân. Trong đó:

- Hộ nghèo chuẩn quốc gia: 4.986 hộ, chiếm tỷ lệ 1,91%.
- Hộ cận nghèo quốc gia: 5.026 hộ, chiếm tỷ lệ 1,92%.
- Hộ nghèo chuẩn tỉnh: 4.738 hộ chiếm 1,81%.
- Hộ cận nghèo chuẩn tỉnh: 6.657 hộ chiếm tỷ lệ 2,55%.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN ĐỀ ÁN GIẢM NGHÈO

Để thực hiện hoàn thành kế hoạch và mục tiêu giảm nghèo theo Nghị quyết số 47/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra cho giai đoạn 2016 – 2020, trong 05 năm qua các cấp, các ngành đã triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả các chính sách giảm nghèo. Nguồn vốn được bố trí đủ, kịp thời để triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo.

- Theo Nghị quyết 47/2016/NQ-HĐND tổng nhu cầu nguồn vốn thực hiện trong 5 năm **1.423,566 tỷ đồng** (nguồn vốn thu hồi lại 840 tỷ đồng), trong đó ngân sách Trung ương là 500 tỷ đồng, ngân sách Địa phương 901,066 tỷ đồng, nguồn vốn huy động 22,500 tỷ đồng.

- Tổng nguồn vốn đã được bố trí 758,772 tỷ đồng. Trong đó:
 - + Nguồn vốn trung ương là 159,365 tỷ đồng.
 - + Nguồn vốn địa phương thực hiện các chính sách là 528,078 tỷ đồng.
 - + Nguồn vốn huy động 71,329 tỷ đồng.
- Nguồn kinh phí bố trí cho Chương trình 135 và Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số là 609,906 tỷ đồng.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả thực hiện các chính sách chung về giảm nghèo

a) Chính sách hỗ trợ tín dụng cho hộ nghèo:

Trong giai đoạn 2016-2020, các sở, ngành có liên quan đã tích cực triển khai chương trình tín dụng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, kết quả:

+ Nguồn vốn cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo tính đến 30/3/2020 là 297.108 triệu đồng².

+ Xét duyệt cho 40.400 lượt hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo vay vốn với số tiền 1.112 tỷ đồng; 11.000 lượt học sinh, sinh viên được vay vốn để đi học với số tiền 149 tỷ đồng.

² Nguồn vốn trung ương: 159.365 triệu đồng. Trong đó: nguồn vốn cho vay hộ nghèo là 37.811 triệu đồng, nguồn vốn cho vay hộ cận nghèo là 48.337 triệu đồng, nguồn vốn cho vay hộ thoát nghèo là 73.217 triệu đồng.

Nguồn vốn địa phương: 137.743 triệu đồng. Trong đó: nguồn vốn cho vay hộ nghèo là 54.076 triệu đồng, nguồn vốn cho vay hộ cận nghèo là 53.947 triệu đồng, nguồn vốn cho vay hộ thoát nghèo là 29.720 triệu đồng.

+ Tính đến 30/5/2020, tổng dư nợ cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo là 205,441 tỷ đồng với 6.859 hộ còn dư nợ³; dư nợ 178,451 tỷ đồng với 6.018 học sinh, sinh viên còn dư nợ.

Đánh giá: Chương trình cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo hỗ trợ các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo phát triển sản xuất, các mô hình kinh tế được đầu tư mang lại hiệu quả kinh tế cao, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo có nhu cầu đều được vay vốn. Nguồn vốn được bố trí cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo còn thấp so với đề án 297.108 triệu đồng/840.000 triệu đồng. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được cho vay cao hơn so với đề án 40.400 lượt/21.000 lượt hộ vay, tuy nhiên nhu cầu mức vay bình quân mỗi hộ vay còn thấp (khoảng 28 triệu đồng/hộ vay).

b) Chính sách hỗ trợ về y tế cho người nghèo: Trong giai đoạn 2016-2020, đã thực hiện cấp 448.630 thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người cận nghèo, người mới thoát nghèo trong vòng 5 năm với số tiền là 285.512 triệu đồng.

Đánh giá về tiếp cận y tế: 100% người nghèo, người cận nghèo, người thoát nghèo trong vòng 5 năm đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế. Thực hiện hỗ trợ một phần chi phí khám chữa bệnh, chi phí đi lại, tiền ăn cho người nghèo chuẩn quốc gia trong thời gian điều trị nội trú tại bệnh viện theo Quyết định số 22/2019/QĐ-UBND ngày 16/8/2019 của UBND tỉnh. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế toàn tỉnh đạt 86,5% (đạt 101,7% so với mục tiêu của Nghị quyết đề ra 86,5%/85%). 100% các xã, phường, thị trấn có trạm y tế; 100% các cơ sở khám chữa bệnh bảo hiểm y tế thực hiện kết nối liên thông và cập nhật thông tin lên công thông tin giám định bảo hiểm y tế.

c) Chính sách hỗ trợ về giáo dục cho người nghèo:

Thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ, Nghị quyết 49/2016/NQ-HĐND ngày 04/8/2016 và Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí từ năm học 2017-2018 đến năm học 2020-2021 tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và bổ sung đối tượng miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập của tỉnh. Giai đoạn 2016-2020 đã thực hiện miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho **71.494** lượt học sinh con hộ nghèo với số tiền **38.479** triệu đồng.

Các chỉ tiêu về giáo dục đạt và vượt so với mục tiêu của đề án đề ra như: tỷ lệ trẻ đến trường đúng độ tuổi nhà trẻ đạt tỷ lệ 33,84%; trẻ mẫu giáo ra lớp đạt 95,65%; trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 99,9%; trẻ đi học tiểu học đúng tuổi đạt 99,97%; đi học trung học cơ sở đúng tuổi đạt 94,75%; đi học cấp THPT và tương đương đạt 97,0%; tỷ lệ biết chữ của người lớn đạt 91,72%; tỷ lệ bỏ học, lưu ban giảm còn 0,15%.

³ Dư nợ cho vay bằng nguồn vốn trung ương: 99.914 triệu đồng/3.547 hộ vay. Trong đó: dư nợ hộ nghèo 44.630 triệu đồng/1.426 hộ vay, dư nợ hộ cận nghèo 36.913 triệu đồng/1.241 hộ vay, dư nợ hộ thoát nghèo 32.348 triệu đồng/1.106 hộ vay.

Dư nợ cho vay hộ nghèo bằng nguồn vốn địa phương: 105.527 triệu đồng/3.312 hộ vay. Trong đó: dư nợ hộ nghèo 44.630 triệu đồng/1.426 hộ vay, dư nợ hộ cận nghèo 39.730 triệu đồng/1.256 hộ vay, dư nợ hộ thoát nghèo 21.167 triệu đồng/630 hộ vay.

d) Chính sách hỗ trợ tiền điện: Thực hiện Quyết định số 268/QĐ-TTg ngày 23/02/2011 của Thủ tướng Chính phủ về biểu giá bán lẻ điện, Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện. Từ năm 2016-2020, thực hiện hỗ trợ tiền điện cho 44.837 lượt hộ nghèo với số tiền **21.241** triệu đồng.

Số hộ sử dụng điện đạt 99,98%, lũy kế giải quyết cấp điện đạt chất lượng cho khoảng 277/328 hộ chưa có điện (vùng sâu, vùng xa) và khoảng 5.943/6.893 hộ có điện nhưng chưa có điện kế, câu nhờ, câu tạm.

e) Chính sách hỗ trợ về nhà ở:

- Thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở với hộ nghèo theo chuẩn giai đoạn 2011-2015 (*Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định 167/QĐ-TTg giai đoạn 2*), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Nghị quyết 45/2017/NQ-HĐND ngày 09/12/2017 quy định mức hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2018 – 2020. Từ năm 2016 đến nay, đã thực hiện hỗ trợ 98 hộ nghèo, hộ cận nghèo (48 hộ nghèo chuẩn Quốc gia, 02 hộ cận nghèo chuẩn Quốc gia và 48 hộ nghèo chuẩn tỉnh) với kinh phí đề nghị hỗ trợ là 6.882 triệu đồng từ nguồn ngân sách địa phương.

- Quỹ “Vi người nghèo” các cấp vận động mọi tầng lớp nhân dân, các đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với số tiền 71.329 triệu đồng. Thực hiện hỗ trợ xây mới và sửa chữa 1.340 căn nhà Đại đoàn kết với tổng kinh phí 49.952 triệu đồng.

Đánh giá tiếp cận về nhà ở: Việc hỗ trợ nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo đạt kế hoạch so với đề án đề ra (1.340/750 căn nhà); Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Nghị quyết số 45/2017/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh đạt 19,37% so với mục tiêu nghị quyết đề ra (98/506 hộ).

Theo kết quả sơ bộ của Tổng điều tra dân số và nhà ở, đến thời điểm 01/4/2019, diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 26 m²/người, tỷ lệ nhà ở kiên cố đạt 62,9%, tỷ lệ nhà ở bán kiên cố đạt 27,7%, tỷ lệ nhà ở thiếu kiên cố đạt 8,6%, tỷ lệ nhà ở đơn sơ đạt 0,8%.

Theo kế hoạch phát triển nhà ở năm 2020 và giai đoạn 2021-2025 được phê duyệt tại Quyết định 3612/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh, dự kiến diện tích nhà ở bình quân toàn tỉnh đến cuối năm 2020 là 26 m²/người. Tỷ lệ người dân có nhà kiên cố chiếm 80%; nhà ở bán kiên cố chiếm 15%; nhà ở thiếu kiên cố chiếm 5%; không có nhà ở đơn sơ.

g) Trợ cấp tết cho hộ nghèo: Trong giai đoạn 2016-2020 đã thực hiện trợ cấp tết cho 32.085 lượt hộ nghèo với tổng kinh phí trợ cấp 28.719 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh, huyện và nguồn vận động.

h) Chính sách dạy nghề cho người nghèo: Được thực hiện lồng ghép trong chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao

động nông thôn đến năm 2020". Trong giai đoạn 2016-2020, có 348 người nghèo tham gia học nghề nông nghiệp và phi nông nghiệp, trong đó ⁴

Đánh giá kết quả đạt được: Số người nghèo tham gia học nghề trong giai đoạn 2016-2020 đạt 17,4% so với mục tiêu của Nghị quyết đề ra (348/2.000 người). Tuy nhiên, tỷ lệ lao động nghèo có việc làm sau khi được hỗ trợ học nghề đạt kế hoạch đề ra 96,75%/85%.

m) Trợ giúp pháp lý cho người nghèo: Tuyên truyền các chính sách trợ giúp pháp lý cho người dân trên địa bàn tỉnh biết về các chính sách của Nhà nước dành cho đối tượng yếu thế trong xã hội; nâng cao hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Do thực hiện tốt công tác truyền thông về trợ giúp pháp lý nên tỷ lệ người dân biết về hoạt động trợ giúp pháp lý đạt khoảng 90%; tỷ lệ người thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu theo đúng quy định được trợ giúp pháp lý miễn phí là 100% đạt mục tiêu theo Nghị quyết đề ra.

Kết quả đã trợ giúp pháp lý 1.468 vụ việc/1.468 lượt người nghèo, trong đó: tư vấn: 1.392 vụ việc, tham gia tố tụng: 66 vụ việc, đại diện ngoài tố tụng: 10 vụ việc; tổ chức thực hiện 60 đợt truyền thông về trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các thôn, ấp đặc biệt khó khăn. Ngoài ra, cấp phép miễn phí các tài liệu pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

n) Tiếp cận về nước sạch, vệ sinh:

- Về nước sạch: Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia trên toàn tỉnh là 90,09%. Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch hợp vệ sinh đạt 99,8%, trong đó hộ nghèo 99,7%.

- Về vệ sinh môi trường: Tỷ lệ người dân trên địa bàn tỉnh sử dụng hố xí hợp vệ sinh là 98%, trong đó tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng hố xí hợp vệ sinh là 96%.

2. Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đặc thù giảm nghèo bền vững

a) Kết quả thực hiện Chương trình 135:

Từ năm 2015-2020, kinh phí được bố trí 383.615 triệu đồng để thực hiện các hạng mục, cụ thể:

- Hợp phần phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu: Đã bố trí 366.685 triệu đồng thực hiện các công trình⁵.

- Hợp phần phát triển sản xuất: Hỗ trợ cây, con giống cho 1.505 hộ; tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi cho các hộ được hỗ trợ, kinh phí thực hiện 15.260 triệu đồng.

⁴ Phi nông nghiệp: 111 người, chủ yếu là các nghề kỹ thuật xây dựng, xe nâng, may công nghiệp, may giày da và chế biến thức ăn, lái xe, nghiệp vụ buồng bàn.

Nông nghiệp: 237 người, bao gồm các nghề nuôi cá lồng bè trên biển, trồng tiêu, trồng thanh long, trồng nấm, trồng lúa năng suất cao, trồng rau an toàn và chăm sóc tạo dáng cây cảnh, phòng trị bệnh trên trâu bò, phòng trị bệnh cho heo, nuôi cá nước ngọt, nuôi và trị bệnh cho gà, sử dụng thuốc thú y trong chăn nuôi.

⁵ Đầu tư 73 công trình giao thông dài 190,55 km từ xã đến thôn, ấp, liên thôn, ấp; đầu tư 20 công trình điện hạ thế dài 21,4 km, 04 trạm biến áp; xây dựng 01 nhà văn hóa truyền thống dân tộc thiểu số; đầu tư 03 công trình thủy lợi.

- Tổ chức 26 đợt tập huấn cho cán bộ xã, thôn và cộng đồng khoảng 1.560 người tham dự; 05 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở và cộng đồng với số lượng là 320; 02 đợt đi tham quan học tập tại các tỉnh Tây Nguyên và Tây Nam bộ cho cán bộ huyện, xã thuộc Chương trình 135 với kinh phí thực hiện 1.670 triệu đồng.

b) Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135:

Trong giai đoạn 2016-2020, đã thực hiện hỗ trợ cho 400 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo với 9 mô hình⁶. Tổ chức 125 lớp tập huấn với khoảng 4.050 người tham dự với các nội dung chuyên giao khoa học kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi nhằm cung cấp cho bà con kiến thức về cây trồng và vật nuôi, nắm bắt quy trình sản xuất, biết cách lựa chọn các loại giống phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương giúp tăng hiệu quả để người dân vươn lên thoát nghèo. Tổng kinh phí thực hiện 5.730 triệu đồng.

Đánh giá: Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo 2016-2020 hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tham gia mô hình đạt 80% mục tiêu Nghị quyết đề ra (400/500 hộ), kinh phí thực hiện đạt 60% (5.730/9.500 triệu đồng) so với Nghị quyết.

c) Hoạt động truyền thông về giảm nghèo:

- Tăng cường công tác tuyên truyền về chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về giảm nghèo, phổ biến và nhân rộng các kinh nghiệm mô hình giảm nghèo hiệu quả, nâng cao nhận thức về giảm nghèo. Thông tin tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả. Đa dạng hóa các hình thức đưa thông tin về cơ sở bằng việc tổ chức thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở kết hợp với các hình thức tuyên truyền miệng của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp, qua Đài Truyền thanh huyện và hệ thống Đài Phát thanh cơ sở, qua các loại hình báo chí, các bản tin, tờ rơi, tờ gấp, xây dựng các hình ảnh, panô, áp phích,....

- Việc đầu tư xây mới và nâng cấp cải tạo hệ thống đài truyền thanh cơ sở đã góp phần từng bước hoàn thiện, hiện đại hóa hệ thống đài truyền thanh cơ sở trên địa bàn tỉnh, giúp cho việc truyền, phát tin hiệu phát thanh, truyền hình được đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu của người dân. Kết quả⁷:

⁶ Mô hình gà ta thả vườn, mô hình thâm canh cây bắp lai, mô hình trồng rau ăn lá theo hướng VietGap, mô hình nuôi nhím, mô hình nuôi dê sinh sản, mô hình nuôi bò sinh sản, mô hình thâm canh cây đậu xanh, mô hình măng tây xanh, mô hình vịt xiêm thương phẩm.

⁷ Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho gần 150 cán bộ phụ trách thông tin cơ sở trên toàn tỉnh, in 25.000 tờ rơi, 2000 cuốn cẩm nang, 06 pano, 172 băng rôn tuyên truyền về công tác giảm nghèo; hỗ trợ đầu tư truyền hình số mặt đất cho 3.019 hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn quốc gia. Trên sóng phát thanh và truyền hình đã thực hiện 386 tin, 335 phóng sự, phát biểu trong chương trình thời sự và các chuyên mục; 05 chương trình tọa đàm, 74 chương trình Cùng xây mái ấm và 179 chương trình Muôn mặt cuộc đời, đăng tải 944 clip phát thanh, truyền hình. Thông qua chuyên mục Muôn mặt cuộc đời do Đài Phát thanh truyền hình tỉnh thực hiện đã nhận được sự đóng góp của các nhà hảo tâm, mạnh thường quân trong và ngoài tỉnh hỗ trợ 179 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn với tổng số tiền 4.576 triệu đồng.

Đánh giá tiếp cận về thông tin: 100% xã, phường, thị trấn có hệ thống đài phát thanh. Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin như sử dụng điện thoại, tivi, báo, đài phát thanh xã, phường, thị trấn đạt 97%.

d) Dự án nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình:

- Tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo: kinh phí thực hiện trong giai đoạn 2016-2020 là 1,525 tỷ đồng, tổ chức tập huấn cho hơn 4.480 lượt cán bộ là Lãnh đạo và chuyên viên Phòng Lao động – TBXH, các hội đoàn thể của các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng Ban giảm nghèo, cán bộ giảm nghèo và cán bộ các hội đoàn thể của các xã, phường, thị trấn, cán bộ giảm nghèo thôn, ấp, khu phố. Qua lớp tập huấn nhằm trang bị kỹ năng, nghiệp vụ công tác điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo tiêu chí nghèo đa chiều; những chính sách về giảm nghèo của Trung ương, của địa phương đồng thời giải đáp những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện chính sách giảm nghèo ở địa phương.

- Hoạt động giám sát đánh giá chương trình: Kinh phí thực hiện 1,527 tỷ đồng. Hàng năm Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh phân bổ kinh phí kiểm tra, giám sát cho Ban Chỉ đạo thực hiện các CTMTQG cấp huyện, cấp xã. Đồng thời xây dựng kế hoạch và tổ chức đoàn đi kiểm tra, giám sát việc triển khai các chính sách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo tại các xã, phường, thị trấn và làm việc với Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia các huyện, thị xã, thành phố từ 02 đến 04 đợt trong một năm. Ngoài ra, còn tham gia đoàn giám sát việc kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo do Ban Dân vận Tỉnh ủy, Ban Văn hóa Xã hội – Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh chủ trì. Qua giám sát, cơ bản các địa phương đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách giảm nghèo cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo. Qua kiểm tra nhằm kịp thời nhắc nhở, kiến nghị các địa phương rà soát, điều chỉnh những thiếu sót.

3. Các chương trình lồng ghép khác:

a) Các chính sách hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số theo Đề án phát triển kinh tế - xã hội:

Tổng kinh phí thực hiện đề án Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh từ năm 2016-2019 là 226.291,6 triệu đồng, để thực hiện các nội dung:

- Nhóm hỗ trợ trực tiếp cho hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số với kinh phí thực hiện 47.270 triệu đồng gồm các nội dung⁸.

- Nhóm hỗ trợ về văn hóa, giáo dục với số tiền thực hiện 13.027 triệu đồng gồm các nội dung⁹.

⁸ Hỗ trợ xây mới và sửa chữa 810 căn nhà cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số; hỗ trợ xây dựng nhà tiêu 940 cái; hỗ trợ lắp đặt điện sinh hoạt cho 662 hộ; hỗ trợ lắp đặt nước sinh hoạt cho 1.306 hộ.

- Nhóm hỗ trợ phát triển sản xuất: kinh phí thực hiện 12.040 triệu đồng bao gồm các nội dung ¹⁰.

- Nhóm tuyên truyền giáo dục pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số¹¹.

- Nhóm đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu: từ năm 2016 đã được bố trí 152.868,4 triệu đồng để thực hiện các nội dung ¹².

b) Các chính sách hỗ trợ khác cho đồng bào dân tộc thiểu số:

- Trợ cấp Tết cho: 1.940 lượt sinh viên dân tộc thiểu số đang theo học tại các trường đại học, cao đẳng, THCN trong và ngoài tỉnh, 470 người có uy tín. Tổng kinh phí trợ cấp Tết là 3.001,5 triệu đồng.

- Hỗ trợ cho 1.864 lượt em sinh viên là người dân tộc thiểu số đang theo học ở các trường đại học, cao đẳng, THCN có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh với tổng số tiền là 8.015,2 triệu đồng theo Quyết định 22/2010/QĐ-UBND ngày 29/6/2010 của UBND tỉnh.

- Tổ chức 39 lớp tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết cho khoảng 3.720 học viên là đồng bào dân tộc thiểu số và 04 lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật và kỹ năng tuyên truyền, vận động tư vấn pháp luật cho khoảng 638 cán bộ tham gia Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số”.

- Thực hiện hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho 1.859 hộ nghèo với 6.784 khẩu đang sinh sống tại vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định số 102/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ, với tổng số tiền 604,78 triệu đồng.

c) Các chương trình phối hợp khác:

- Thông qua việc thực hiện phong trào “Nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới” của Hội nông dân bước đầu thực hiện một số hoạt động hỗ trợ thiết thực giúp nông dân tháo gỡ được một phần khó khăn về vốn, về kiến thức khoa học kỹ thuật và công nghệ, góp phần làm tăng hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập và cải thiện đời sống cho hội viên nông dân. Xây dựng và nhân rộng các mô hình điển hình trong phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”.

- Hội Phụ nữ các cấp đã triển khai và thực hiện mô hình “Giúp phụ nữ nghèo có địa chỉ”, “Tổ phụ nữ không có hội viên nghèo” đến các chi, tổ phụ nữ trên địa bàn dân cư đã vận động, giúp cho hội viên phụ nữ bằng nhiều hình thức như vay vốn,

⁹ Hỗ trợ 62 lượt lễ hội của các dân tộc; hỗ trợ trang thiết bị phục vụ sinh hoạt cho các nhà văn hóa dân tộc; sửa chữa nâng cấp Nhà văn hóa Bàu Lâm – huyện Xuyên Mộc; hỗ trợ tiền ăn cho 225 cháu mẫu giáo con hộ nghèo; hỗ trợ tập vở, sách giáo khoa cho 35.581 lượt học sinh người dân tộc thiểu số.

¹⁰ Hỗ trợ cây, con giống cho 1.616 hộ đồng bào dân tộc, mở 41 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật về trồng trọt và chăn nuôi cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

¹¹ Tổ chức 81 lớp tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và chủ trương, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước về công tác dân tộc cho khoảng 8.060 lượt người dân tộc thiểu số với số tiền 1.086,2 triệu đồng.

¹² Đầu tư xây dựng 42 công trình giao thông nông thôn dài 57,2 km, 10 công trình điện hạ thế dài 8,3 km; 08 tuyến ống cái dẫn nước sạch dài 7,2 km; 02 công trình thủy lợi và sửa chữa nhà sinh hoạt đồng bào dân tộc Châu Ro.

giúp con giống, cây trồng, công lao động, hướng dẫn khoa học kỹ thuật, vận động phụ nữ có kinh tế khá giúp cho lượt phụ nữ khó khăn vay vốn không lấy lãi. Ngoài ra, các cấp Hội Phụ nữ vận động mạnh thường quân, ủng hộ xây dựng và sửa chữa mái ấm tình thương cho phụ nữ nghèo khó khăn về nhà ở, trao học bổng Nguyễn Thị Định cho học sinh nghèo, khó khăn có thành tích học tập tốt.

Kết quả trong giai đoạn 2016-2020 đã có 39.367 lượt hộ hội viên phụ nữ, 23.464 hộ nghèo do phụ nữ làm chủ được giúp đỡ bằng nhiều hình thức với tổng số tiền 39.367 triệu đồng, đã giúp 5.675 hộ do phụ nữ làm chủ thoát nghèo. Tổng các nguồn vốn được các cấp Hội huy động trong giai đoạn 2016-2020 là 4.408 tỷ đồng giúp cho 414.442 lượt chị vay phát triển kinh tế gia đình.

Song song với việc hỗ trợ vốn, các cấp Hội tích cực phối hợp tổ chức các lớp tập huấn chuyên giao KH-KT trong chăn nuôi, trồng trọt... để giúp chị em sử dụng tốt nguồn vốn vay, làm ăn có hiệu quả. Phối hợp với các sở, ngành có liên quan mở 163 lớp may, thêu, đan, làm móng, trang điểm, kết cườm, làm hoa voan cho 5.270 lượt hội viên. Giới thiệu cho 6.527 chị vào làm việc tại các Công ty chế biến hải sản, Xí nghiệp may gia công, bọc vỏ hạt điều, thú thủy tinh ở các cơ sở tại địa phương.

- Các hoạt động tình nguyện của đoàn viên thanh niên các cấp trong xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo như: xây mới 18 căn nhà và sửa chữa 40 căn nhà cho các gia đình đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ 05 trường hợp đoàn viên thanh niên khó khăn, mắc bệnh hiểm nghèo; trao tặng quà, học bổng, sửa chữa điện cho 486 hộ, đã tổ chức phát thuốc và khám bệnh miễn phí cho 8.331 người neo đơn, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em khuyết tật, gia đình nghèo. Tổ chức 12 lớp tập huấn kỹ năng về tư vấn và giới thiệu việc làm, 06 lớp khởi sự doanh nghiệp cho các bộ đoàn cấp xã, phường, thị trấn.

4. Kết quả giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo:

Qua việc triển khai các chính sách giảm nghèo, đến cuối năm 2019, tổng số hộ nghèo, hộ cận nghèo còn 4.081 hộ, chiếm tỷ lệ 1,44% so với tổng số hộ dân. Trong đó: Hộ nghèo chuẩn quốc gia là: 669 hộ, chiếm tỷ lệ 0,24%. Hộ cận nghèo quốc gia là 1.148 hộ, chiếm tỷ lệ 0,40%. Hộ nghèo chuẩn tỉnh là 1.666 hộ chiếm tỷ lệ 0,59%. Hộ cận nghèo chuẩn tỉnh là 598 hộ chiếm tỷ lệ 0,21%.

Kết quả từ năm 2016-2019 đã giảm được 6,76% tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh, đưa tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo chung toàn tỉnh từ 8,2% xuống còn 1,44% vào cuối năm 2019. Toàn tỉnh không còn hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng. Dự kiến cuối năm 2020, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn tỉnh giảm còn 0,9% so với tổng số hộ dân.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được:

Giai đoạn 2016 – 2020, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã kịp thời ban hành Nghị quyết đề lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Trong giai đoạn 2016 – 2020, chuẩn nghèo của tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về tiêu chí thu nhập cao hơn 1,7 lần mức chuẩn do Trung ương quy định nhằm mở rộng đối tượng thụ hưởng chính sách giảm nghèo, mức chuẩn trợ cấp xã hội cao hơn 1,2 lần mức chuẩn trợ cấp do

Chính phủ quy định, cùng với việc thực hiện đầy đủ các chính sách giảm nghèo đối với hộ nghèo thiếu hụt về thu nhập và hộ nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản đã góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, nâng cao mức sống người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội gần hơn với mức sống của người dân trên cùng địa bàn cư trú.

- Trên cơ sở Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương đã kịp thời xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện các chính sách giảm nghèo có hiệu quả. Nhiệm vụ chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo được triển khai thực hiện bảo đảm tiến độ hoàn thành kế hoạch của từng năm. Các chính sách giảm nghèo đã được hướng dẫn, triển khai thực hiện kịp thời đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng, đảm bảo quyền lợi cho người nghèo như việc cấp thẻ BHYT, miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho con hộ nghèo kịp thời. Công tác chăm lo đời sống tốt cho hộ nghèo được các địa phương triển khai trợ cấp kịp thời.

- Nguồn vốn bố trí để thực hiện các chính sách giảm nghèo (về tín dụng ưu đãi, hỗ trợ y tế, giáo dục, trợ cấp tiền điện, thực hiện các dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo,...) được ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời. Ngoài nguồn vốn ngân sách bố trí, hàng năm UBMTTQVN tỉnh và các tổ chức thành viên của UBMTTQVN tỉnh cũng huy động sự đóng góp của các cá nhân, doanh nghiệp để hỗ trợ cho hộ nghèo về nhà ở, cấp học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, hỗ trợ khó khăn đột xuất và thăm hỏi tặng quà hộ nghèo trong các dịp lễ, tết,...

- Các chính sách, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã được các cấp, các ngành quan tâm tổ chức triển khai tốt, tác động trực tiếp đến nhiều lĩnh vực của đời sống người nghèo, giúp hộ nghèo phát triển kinh tế, ổn định đời sống. Tính bền vững trong công tác giảm nghèo đã được cải thiện đáng kể, tỷ lệ giảm hộ nghèo luôn đạt vượt chỉ tiêu của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Người nghèo đã được cải thiện một bước về điều kiện sống, tiếp cận tốt hơn các chính sách và nguồn lực hỗ trợ của nhà nước và cộng đồng cho phát triển kinh tế, tạo việc làm và tăng thu nhập. Một số nhu cầu xã hội thiết yếu của người nghèo cơ bản được đáp ứng (y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin...). Về lâu dài, tác động của chương trình giúp người nghèo có được cơ hội tự vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là đồng bào dân tộc thiểu số nghèo được ưu tiên nguồn lực đầu tư hỗ trợ, chính sách hỗ trợ con giống, nhà ở, hồ xí, nước sinh hoạt, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, ... đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu như điện, đường, trường, trạm được triển khai đồng bộ tạo điều kiện cho đời sống vật chất và tinh thần của hộ nghèo đồng bào dân tộc ngày càng được cải thiện, các lễ hội văn hóa được khôi phục, bảo tồn và phát triển.

- Công tác tuyên truyền, nêu gương những hộ nghèo vươn lên thoát nghèo tiêu biểu và tổ chức các lớp tập huấn bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác giảm nghèo của địa phương được thực hiện thường xuyên, giúp cho nhận thức của các cấp chính quyền từ cấp huyện đến cấp xã, cán bộ làm công tác giảm nghèo của cấp xã và người dân đã có sự thay đổi tích cực, nhận thức được tầm quan trọng của công tác giảm nghèo, đặc biệt là người nghèo ý thức tự vươn lên thoát nghèo.

- Một số chỉ tiêu cơ bản thực hiện đạt và vượt so với Nghị quyết đề ra đến năm 2020 như: Đối tượng tham gia BHYT đạt tỷ lệ bao phủ 86,5% dân số toàn tỉnh (*mục tiêu đề ra 85%*); Tỷ lệ trẻ đến trường trong độ tuổi nhà trẻ đạt 33,84%, tỷ lệ trẻ đi mẫu giáo đạt 95,65%, tỷ lệ trẻ đi học tiểu học đúng độ tuổi đạt 99,97%, tỷ lệ đi học trung học cơ sở đạt 99,97%, tỷ lệ biết chữ của người lớn đạt 91,72%, tỷ lệ đi học THCS đúng độ tuổi đạt 94,75%, tỷ lệ đi học cấp THPT và tương đương đạt 97%. Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn quốc gia trên toàn tỉnh là 90,09%; Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 99,8%, trong đó hộ nghèo là 99,7%; Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng hố xí hợp vệ sinh là 96%; Tỷ lệ số hộ có điện đạt 99,98%, lũy kế giải quyết cấp điện đạt chất lượng cho khoảng 277/328 hộ chưa có điện. Tỷ lệ người dân được tiếp cận thông tin đạt 99%;

- Một số chỉ tiêu dự kiến trong năm 2020 đạt như: Diện tích nhà ở bình quân đầu người 24,6 m²/người; tỷ lệ người dân có nhà kiên cố chiếm tỉ lệ 80%; tỷ lệ nhà bán kiên cố chiếm tỉ lệ 15%; tỷ lệ nhà thiếu kiên cố chiếm tỉ lệ 5%; không có nhà đơn sơ.

- Qua việc bố trí nguồn lực để thực hiện các chính sách giảm nghèo, trợ giúp xã hội đã làm cho tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh cuối năm 2019 giảm còn 1,44% đạt kế hoạch và hoàn thành về trước một năm so với mục tiêu của Nghị quyết Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra (*kế hoạch đến năm 2020 giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới của tỉnh theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều xuống dưới 1,5% so với tổng số hộ dân*).

2. Tồn tại, hạn chế:

- Một số chỉ tiêu thực hiện không đạt so với mục tiêu của Nghị quyết 47/2016/NQ-HĐND đề ra như: Đào tạo nghề cho người nghèo đạt 18% so với mục tiêu đề ra (348/2.000 người); hỗ trợ cho hộ nghèo tham gia dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo đạt 80% so với mục tiêu đề ra (400/500 hộ). Nguồn vốn thực hiện đạt 54% với kế hoạch Đề án đề ra (758.772 triệu đồng/1.423.566 triệu đồng).

- Việc hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo còn gặp khó khăn, chưa thực hiện được chính sách hỗ trợ về đất ở cho hộ nghèo.

- Trong những năm đầu giai đoạn công tác điều tra, rà soát xác định hộ nghèo tại một số địa phương thực hiện còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến việc sai sót trong xác định hộ nghèo; Việc xét duyệt cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại một số địa phương còn xảy ra tình trạng cho vay không đúng đối tượng, không đúng nguồn vốn. Tuy nhiên tồn tại này đã được các địa phương chấn chỉnh, khắc phục.

- Cán bộ làm công tác giảm nghèo tại cơ sở không ổn định, thường xuyên thay đổi dẫn đến việc nắm bắt thực hiện quy trình rà soát hộ nghèo, chính sách giảm nghèo không kịp thời ảnh hưởng đến công tác tham mưu, tổ chức thực hiện chính sách giảm nghèo tại cấp cơ sở.

- Việc thực hiện chế độ thống kê, báo cáo của các sở, ngành, địa phương thực hiện chưa đầy đủ, kịp thời và chưa đạt yêu cầu, thiếu thông tin số liệu gây khó khăn cho công tác tổng hợp.

3. Nguyên nhân:

- Công tác đào tạo nghề cho người nghèo không đạt so với mục tiêu đề ra là do số lượng người nghèo tham gia học nghề còn thấp, nhu cầu học nghề của người nghèo khác nhau nên việc mở lớp đào tạo nghề tại các địa phương chưa thực hiện được nhiều. Mặt khác, người lao động còn có lý do là lao động chính của gia đình nên khi tham gia đào tạo thì bản thân gia đình họ mất đi một khoản thu nhập, do đó cũng gây trở ngại khó khăn.

- Đối với dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo, số hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được hỗ trợ không đạt 80% so với mục tiêu Nghị quyết đề ra. Trong năm 2017, 2018 dự án này không thực hiện được là do văn bản hướng dẫn của Trung ương và địa phương ban hành chậm. Ngày 15/02/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 15/2017/TT-BTC quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 quy định mức hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và mới thoát nghèo tham gia dự án nhân rộng giảm nghèo do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định. Ngày 09/10/2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mới ban hành Thông tư hướng dẫn số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09/10/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình MTQGGN bền vững giai đoạn 2016-2020 mới ban hành và có hiệu lực từ ngày 27/11/2017. Đến ngày 18/7/2019, được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết số 25/2019/NQ-HĐND quy định mức hỗ trợ, nội dung chi và mức chi cho Dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Dự án 3 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh.

- Nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo giai đoạn 2016-2020 giảm so với nguồn vốn dự kiến (758.772 triệu đồng/1.423.566 triệu đồng) là do nguồn vốn cho vay tín dụng dự kiến bố trí 840 tỷ đồng, đã được bố trí 298/840 tỷ đồng. Một số kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ cho hộ nghèo giảm so với kế hoạch như chính sách hỗ trợ về y tế thực hiện 285.512/389.951 triệu đồng, chính sách hỗ trợ về giáo dục 38.479/106.178 triệu đồng, chính sách hỗ trợ dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo 5.730/9.500 triệu đồng.

- Một số hộ nghèo có nhu cầu được hỗ trợ về nhà ở nhưng không có đất ở hoặc đất nông nghiệp, đất nằm trong quy hoạch vì vậy việc hỗ trợ xây nhà Đại đoàn kết cho các hộ nghèo vẫn còn gặp nhiều khó khăn.

- Các huyện, thị xã, thành phố không còn quỹ đất để bố trí hỗ trợ cho hộ nghèo về đất ở.

- Giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn đầu tiên thực hiện xác định hộ nghèo theo tiêu chí đa chiều nên các điều tra viên còn lúng túng, hiểu chưa đúng các tiêu chí chấm điểm dẫn đến sai sót trong việc xác định thang điểm; công tác kiểm tra, giám sát điều tra hộ nghèo tại cấp cơ sở thực hiện chưa tốt; một số hộ dân có tư tưởng ỉ lại chính sách nên khi nắm bắt được tiêu chí chấm điểm xác định hộ nghèo đã cung cấp thông tin thiếu trung thực, giấu bớt tài sản khi điều tra viên đến thu thập thông tin tại hộ gia đình.

- Chính sách, chế độ đối với đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo còn thấp nên chưa thu hút, giữ chân được cán bộ làm công tác giảm nghèo yên tâm gắn bó với công việc.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. MỤC TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025

Phấn đấu đến cuối năm 2025, tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới của tỉnh giảm còn 2%. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn quốc gia còn dưới 0,5%.

II. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Hằng năm, xây dựng kế hoạch rà soát hộ nghèo định kỳ đảm bảo chính xác, khách quan, đúng tình hình thực tế tại địa phương. Phân loại từng nhóm hộ nghèo: nghèo thu nhập, nghèo thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, hộ nghèo bảo trợ xã hội, hộ nghèo dân tộc thiểu số để có giải pháp giảm nghèo phù hợp.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền quán triệt mục đích, ý nghĩa chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về giảm nghèo tới cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực của cấp ủy đảng, chính quyền, ban, ngành, đoàn thể trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo, đặc biệt là giúp người nghèo nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi tự ý thức vươn lên thoát nghèo; Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và truyền thông về trợ giúp pháp lý cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thực hiện vận động, đầu tư hỗ trợ các chỉ số thiếu hụt nhằm tạo điều kiện cho hộ nghèo thoát nghèo bền vững;

3. Thực hiện chính sách hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người nghèo, người thuộc hộ dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện đặc biệt khó khăn, người dân đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Đẩy mạnh công tác đào tạo nghề, hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo: Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động người nghèo đăng ký tham gia học nghề; tổ chức khảo sát nhu cầu học nghề, ưu tiên nguồn lực đầu tư cơ sở trường, lớp, thiết bị, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhất là lao động nghèo; gắn đào tạo nghề với tạo việc làm; tổ chức đào tạo ngắn hạn miễn phí cho người lao động thuộc hộ nghèo những nghề phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, giáo dục định hướng, thông tin thị trường lao động, kỹ năng nghề nghiệp cho người lao động đảm bảo sau khi ra trường người lao động có thể tự tạo được việc làm, có thu nhập ổn định vươn lên thoát nghèo bền vững.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình điều tra, rà soát hộ nghèo hàng năm theo các tiêu chí về tiếp cận đa chiều đảm bảo khách quan, công bằng và chính xác; giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách giảm

nghèo, phát huy vai trò của từng thành viên trong Ban chỉ đạo giảm nghèo từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã trong hoạt động kiểm tra, giám sát.

6. Tăng cường năng lực bộ máy cho công tác giảm nghèo: Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, bộ máy cơ quan chuyên trách thực hiện công tác giảm nghèo, đổi mới phương thức hoạt động đảm bảo việc thực hiện chính sách giảm nghèo được công khai đúng đối tượng và đạt hiệu quả; bố trí cán bộ chuyên trách giảm nghèo ổn định; hàng năm tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực nghiệp vụ chuyên môn, phổ biến kịp thời những chủ trương, chính sách về công tác giảm nghèo cho cán bộ chuyên trách giảm nghèo, các ngành, đoàn thể ở xã, phường, thị trấn, trưởng khu phố, thôn, ấp.

7. Tiếp tục triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả, kịp thời các chính sách giảm nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo về y tế, giáo dục, nhà ở, điện, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận dịch vụ thông tin. Tiếp tục hỗ trợ chính sách cho các hộ nghèo sau khi thoát nghèo đảm bảo tránh tái nghèo.

8. Kết nối và huy động các nguồn lực phục vụ cho chương trình giảm nghèo: Vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia giảm nghèo, giúp đỡ hỗ trợ về nhà ở, đường giao thông, nước sinh hoạt nông thôn, các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng cho người nghèo; xây dựng, nhân rộng các mô hình giảm nghèo có hiệu quả. Tổ chức vận động các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn nhận đỡ đầu hỗ trợ tạo việc làm, nguồn lực hoặc bao tiêu sản phẩm tạo điều kiện giúp hộ nghèo phát triển sản xuất.

Trên đây là báo cáo việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 theo Nghị quyết 47/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh. /

Nơi nhận:

- TTr. TU, TTr. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban VHXXH-HĐND tỉnh;
- Sở LĐ-TB&XH;
- Các thành viên BCĐCTMTQG;
- CVP.UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VX5 (2)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Văn Tuấn